Vietnam Tariff Intelligence

HS 9804 detail

HS code	9804
Description	Động vật giáp xác, đã được hun khói.
Unit	
Generated	02/11/2026 23:04:29
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/9804/

14 tariff lines under 9804

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9804.15.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm hùm Na Uy (Nephrops norvegicus)		40.5%	27%	No data
9804.16.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh (Pandalus spp., Crangon crangon)		40.5%	27%	No data
9804.17.11	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm sú (Penaeus monodon): / - - - - Đã bỏ đầu		40.5%	27%	No data
9804.17.19	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm sú (Penaeus monodon): / - - - - Loại khác		40.5%	27%	No data
9804.17.21	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei): / - - - - Đã bỏ đầu, còn đuôi		40.5%	27%	No data
9804.17.22	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei): / - - - - Đã bỏ đầu, bỏ đuôi		40.5%	27%	No data
9804.17.29	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei): / - - - - Loại khác		40.5%	27%	No data
9804.17.30	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii)		40.5%	27%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9804.17.90	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Loại khác		40.5%	27%	No data
9804.19.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Loại khác, kể cả bột thô, bột mịn và viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người		40.5%	27%	No data
9804.19.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Loại khác, kể cả bột thô, bột mịn và viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người		40.5%	27%	No data
9804.28.11	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - - Còn vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước		40.5%	27%	No data
9804.28.19	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - - Loại khác		40.5%	27%	No data
9804.28.90	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Loại khác		40.5%	27%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.